

Bản án số: 487/2020/DS-ST  
Ngày: 09-12-2020  
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doãn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Thái Thực Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm: 1950

Địa chỉ: 1280/39 PTH, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tống Kiêm Đ, sinh năm 1971 và ông Phạm Trung H, sinh năm 1994 là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2020, số công chứng 000432, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh).

**2. Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1963

Địa chỉ: 1280/37 PTH, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2002 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bà Trần Thị T (do ông Phạm Trung H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Ông Huỳnh Văn C và Bà Trần Thị T có mối quan hệ là hàng xóm nên bà T cho ông C vay tiền nhiều lần chỉ bằng lời nói. Đến ngày 20/5/2015 bà T và ông C có viết giấy mượn tiền có nội dung: số tiền mượn là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 20/5/2015 đến ngày 20/5/2016), để xác nhận lại số tiền bà T cho ông C vay. Từ ngày xác nhận nợ đến tháng 02/2019, ông C chỉ trả cho bà T được 15.000.000 đồng tiền lãi và chưa trả được khoản nợ gốc nào. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán nợ gốc và lãi còn thiếu nhưng ông C không thực hiện.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ gốc là 70.000.000 đồng; yêu cầu trả tiền lãi là 21.000.000 đồng (tính từ tháng 01/3/2019 đến ngày 09/12/2020 là 21 tháng), lãi suất 1%/tháng. Tổng cộng số tiền là 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng, bà T yêu cầu ông C trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:*

Ông C xác nhận có vay tiền của bà T nhiều lần. Ngày 20/5/2015 ông và bà T có lập giấy mượn tiền để xác nhận lại số tiền ông còn mượn của bà T là 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 20/5/2015 đến ngày 20/5/2016). Trong thời gian vay mượn ông có trả lãi 200.000 đồng/ngày nhưng việc đóng lãi này không được ký nhận hay lập văn bản nào. Do ông gặp khó khăn về kinh tế nên ông đã đề nghị bà T cho ông ngưng trả tiền lãi. Sau khi bà T đã đồng ý cho ông chỉ phải trả tiền nợ gốc thì tháng 02/2019 ông có trả cho bà T số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Nay, bà T yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 21.000.000 đồng thì ông chỉ đồng ý trả nợ gốc còn thiếu là 55.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì bà T đã đồng ý cho ông trả tiền lãi nữa; ông yêu cầu được trả dần số nợ này mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, do các đương sự thực hiện Hợp đồng vay tài sản từ năm 2015 nên căn cứ theo quy định các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 70.000.000đồng và tiền lãi là 21.000.000đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, giấy mượn tiền, lời trình bày của các bên đương sự, chứng cứ thu thập. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của Bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn cư ngụ tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19/10/2020 ông C có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Ngày 10/11/2020 bà T có đơn giải trình thừa nhận vào tháng 02/2019 ông C có trả cho bà số tiền lãi là 15.000.000đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 157, Điều 429 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa bà T và ông C vẫn còn thời hiệu.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T yêu cầu ông C phải trả ngay số tiền 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng, bao gồm: nợ gốc còn thiếu là 70.000.000đồng và tiền lãi là 21.000.000đồng (tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 09/12/2020), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2]. Tại phiên tòa, bị đơn ông C chỉ đồng ý trả nợ gốc còn lại là 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng, không đồng ý trả lãi tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 09/12/2020 như bà T yêu cầu. Ông C xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi dứt nợ.

Căn cứ giấy mượn tiền lập 20/5/2015 giữa bà T với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà T và ông C có xác lập giao dịch vay tiền, ông C nhận tiền vay từ bà T nhiều lần; giấy mượn tiền lập ngày 20/5/2015 chỉ để xác nhận lại số tiền mà ông C còn nợ bà T. Ông C trình bày đã trả cho bà T tiền nợ gốc là được 15.000.000đồng vào tháng 02/2019 nhưng phía bà T không xác nhận việc trả nợ gốc của ông C. Ngoài ra, ông C không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời

trình bày của mình là có căn cứ. Từ tháng 02/2019 đến nay ông C không trả nợ gốc và lãi cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ gốc 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét, bà T yêu cầu ông C trả tiền lãi tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 09/12/2020, với lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng. Ông C không đồng ý trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc hai bên xác lập giao dịch vay tiền tại nội dung giấy vay có thỏa thuận lãi là 3%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay phía bà T và ông C đều thừa nhận có giao nhận tiền lãi. Ông C thừa nhận trả tiền lãi 200.000đồng/ngày nhưng không xác định cụ thể số tiền lãi đã trả do không có lập văn bản khi trả tiền. Bà T xác nhận đến tháng 02/2019 đã nhận được 15.000.000đồng tiền lãi do ông C trả. Việc thỏa thuận lãi của các bên trong Giấy mượn tiền ngày 20/5/2015 không phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, số tiền lãi mà ông C phải trả cho bà T từ ngày vay đến ngày ngưng trả lãi (ngày 20/5/2015 đến ngày 02/2019) là 03 năm 09 tháng được tính theo quy định pháp luật như sau:  $70.000.000\text{đồng} \times 1\% \times 03\text{ năm } 09\text{ tháng} = 31.500.000\text{đồng}$ . Tuy nhiên, bà T không yêu cầu tính lại tiền lãi từ ngày 20/5/2015 đến ngày 02/2019, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/3/2019 đến ngày 09/12/2020 với lãi suất 1%/tháng, điều này có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Bà T yêu cầu thanh toán một lần số nợ gốc và lãi trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông C không đồng ý và xin trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy thời hạn kết thúc của hợp đồng là tháng 05/2016, nay ông C xin trả dần là kéo dài thời gian thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, nên yêu cầu của bà T có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên bị đơn ông C phải chịu án phí trên số tiền phải trả là  $91.000.000\text{đồng} \times 5\% = 4.550.000\text{đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm 1 khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357; Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị T.

Buộc ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T số tiền: 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng. (Trong đó nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi là 21.000.000đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn C phải chịu án phí là 4.550.000 (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**Doãn Thị Nga**

